

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-21
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép được thành lập từ việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ngày 17/08/2006. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600479367 (số cũ: 1703000257) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 08 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Cam Giá - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Duy Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/08/2010
Ông Trần Văn Toàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/08/2010
Ông Trần Văn Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/08/2010
Ông Nguyễn Hồng Trường	Ủy viên	
Ông Vũ Văn Vinh	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Duy Cường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2010
Ông Trần Văn Toàn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2010
Ông Nguyễn Hồng Trường	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Thái Sơn	Phó Giám đốc	
Bà Phạm Thị Tuyết Mai	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Hoàn	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Hợi	Thành viên
Bà Nguyễn Thúy Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Trần Duy Cường

Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2011



Số: 657 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép được lập ngày 15 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Đình Thăng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1624/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		96.531.240.860	57.709.671.295
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.577.884.591	1.489.593.572
111	1. Tiền		4.577.884.591	1.489.593.572
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.466.334.027	18.538.470.582
131	1. Phải thu của khách hàng		39.164.293.138	10.159.300.115
132	2. Trả trước cho người bán		58.787.000	8.071.344.100
135	5. Các khoản phải thu khác	4	243.253.889	307.826.367
140	IV. Hàng tồn kho		52.467.022.242	36.899.330.946
141	1. Hàng tồn kho	5	52.467.022.242	37.549.420.861
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(650.089.915)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.000.000	782.276.195
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	672.284.967
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	20.000.000	109.991.228
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.123.341.278	31.331.216.566
220	II. Tài sản cố định		33.912.600.129	23.495.779.351
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	33.851.028.589	9.420.985.812
222	- Nguyên giá		70.317.955.551	43.128.529.151
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(36.466.926.962)	(33.707.543.339)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	-	-
228	- Nguyên giá		20.265.765	20.265.765
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.265.765)	(20.265.765)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	61.571.540	14.074.793.539
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	2.020.000.000	2.020.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		2.020.000.000	2.020.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.190.741.149	5.815.437.215
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	8.139.741.149	5.763.654.446
268	3. Tài sản dài hạn khác		51.000.000	51.782.769
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		140.654.582.138	89.040.887.861



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		100.260.155.655	51.541.757.733
310	I. Nợ ngắn hạn		90.378.993.370	42.245.728.098
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	29.016.792.129	22.708.581.986
312	2. Phải trả người bán		51.875.312.869	10.397.591.711
313	3. Người mua trả tiền trước		2.322.925.451	887.488.081
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.580.656.560	936.738.482
315	5. Phải trả người lao động		4.270.406.878	1.844.155.397
316	6. Chi phí phải trả	14	203.028.608	192.765.548
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	323.146.098	2.746.596.536
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		786.724.777	2.531.810.357
330	II. Nợ dài hạn		9.881.162.285	9.296.029.635
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	9.585.132.650	9.000.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		296.029.635	296.029.635
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.394.426.483	37.499.130.128
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	40.394.426.483	37.499.130.128
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		16.120.665.845	15.752.854.916
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.746.275.212	1.746.275.212
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.527.485.426	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		140.654.582.138	89.040.887.861

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		70.555.607	70.555.607

Mai



Phạm Thị Tuyết Mai
 Kế toán trưởng

Trần Duy Cường
 Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	272.935.711.655	143.027.438.771
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		272.935.711.655	143.027.438.771
11	4. Giá vốn hàng bán	19	259.234.152.338	134.678.785.604
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.701.559.317	8.348.653.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	157.393.619	66.817.195
22	7. Chi phí tài chính	21	5.474.894.290	1.675.038.732
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>5.474.894.290</i>	<i>1.675.038.732</i>
24	8. Chi phí bán hàng	22	124.389.877	127.516.433
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.614.774.872	3.212.267.135
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3.644.893.897	3.400.648.062
31	11. Thu nhập khác		-	82.043.531
32	12. Chi phí khác		143.980.271	16.100.000
40	13. Lợi nhuận khác		(143.980.271)	65.943.531
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.500.913.626	3.466.591.593
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	605.617.271	458.548.283
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.895.296.355</u>	<u>3.008.043.310</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.448	1.504

Mai



Phạm Thị Tuyết Mai
Kế toán trưởng

Trần Duy Cường
Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		250.660.268.548	155.872.802.745
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(214.580.805.326)	(114.145.558.797)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.665.144.952)	(17.929.974.506)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(5.446.569.548)	(1.693.338.327)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(936.593.482)	(1.699.986.224)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.264.147.006	2.510.024.833
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.995.133.841)	(10.197.622.307)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.300.168.405	12.716.347.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.832.939.197)	(2.568.016.818)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.020.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		127.719.018	66.029.805
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.705.220.179)	(4.521.987.013)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		205.616.250.794	106.904.475.475
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(198.722.908.001)	(112.148.575.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.400.000.000)	(3.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.493.342.793	(8.244.099.525)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.088.291.019	(49.739.121)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.489.593.572	1.539.332.693
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	4.577.884.591	1.489.593.572



Phạm Thị Tuyết Mai
Kế toán trưởng



Trần Duy Cường
Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép được thành lập từ việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ngày 17/08/2006. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600479367 (số cũ: 1703000257) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 08 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Cam Giá - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 20.000.000.000 VND. Tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Mua bán, sản xuất gang, thép, kim loại màu và chế phẩm kim loại;
- Tư vấn, thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu, sửa chữa thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành cơ khí, luyện kim;
- Dịch vụ phục vụ ngành cơ khí, luyện kim; Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xuất khẩu các sản phẩm do công ty sản xuất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị lập và trình Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ KI
TÍNH KIẾ

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động của Công ty là 25%.

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 164/2003/NĐ - CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành luật Thuế TNDN, Công ty được miễn thuế 02 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm tiếp theo. Do đó năm 2010, Công ty đang được giảm 50% số thuế phải nộp cho hoạt động kinh doanh chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	316.931.372	20.134.947
Tiền gửi ngân hàng	4.260.953.219	1.469.458.625
	4.577.884.591	1.489.593.572

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	175.073.654	116.387.460
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	119.917.395
Phải thu về Cấp tiền thuốc điều trị cho CBCNV	12.651.735	1.434.535
Phải thu về tiền thuế Thu nhập cá nhân	-	36.124.477
Phải thu về Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe	50.917.500	33.962.500
Phải thu khác	4.611.000	-
	243.253.889	307.826.367

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.223.933.341	21.848.478.671
Công cụ, dụng cụ	153.253.182	175.675.834
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.059.113.982	4.567.692.396
Thành phẩm	30.030.721.737	10.957.573.960
	52.467.022.242	37.549.420.861

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	20.000.000	109.991.228
	20.000.000	109.991.228



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Phường Cam Giá - TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định phức lợi và khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	15.078.843.319	23.309.488.513	3.678.796.417	781.752.369	279.648.533	43.128.529.151
Số tăng trong năm	-	26.044.048.219	1.127.518.181	17.860.000	-	27.189.426.400
- Mua sắm mới	-	2.718.900.000	1.127.518.181	17.860.000	-	3.864.278.181
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	23.325.148.219	-	-	-	23.325.148.219
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	15.078.843.319	49.353.536.732	4.806.314.598	799.612.369	279.648.533	70.317.955.551
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	11.021.478.571	19.364.455.303	2.477.222.465	568.902.646	275.484.354	33.707.543.339
Số tăng trong năm	684.022.940	1.641.818.276	337.552.048	91.826.180	4.164.179	2.759.383.623
- Trích khấu hao	684.022.940	1.641.818.276	337.552.048	91.826.180	4.164.179	2.759.383.623
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.705.501.511	21.006.273.579	2.814.774.513	660.728.826	279.648.533	36.466.926.962
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu năm	4.057.364.748	3.945.033.210	1.201.573.952	212.849.723	4.164.179	9.420.985.812
Cuối năm	3.373.341.808	28.347.263.153	1.991.540.085	138.883.543	-	33.851.028.589

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.105.205.625 đồng.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm		20.265.765	20.265.765
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	20.265.765	20.265.765
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm		20.265.765	20.265.765
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	20.265.765	20.265.765
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	-	-	-
Cuối năm	-	-	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hệ thống Máy đúc liên tục và lò tinh luyện	61.571.540	14.074.793.539
	61.571.540	14.074.793.539

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên (*)	2.020.000.000	2.020.000.000
	2.020.000.000	2.020.000.000

(*): Số cổ phiếu nắm giữ của Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên là 200.000 cổ phiếu.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.763.654.446	3.684.489.520
Số tăng trong năm	6.554.520.376	7.049.377.554
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(4.178.433.673)	(4.970.212.628)
Số dư cuối năm	8.139.741.149	5.763.654.446

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Khuôn thời các loại	687.643.307	567.880.268
Ko kín cho tiêu hao	3.160.790.183	2.495.753.146
Bàn khuôn, ống rót cho tiêu hao	244.139.578	212.161.436
Thùng xi, tấm đáy thùng xi tiêu hao	730.328.986	382.333.242
Phụ kiện + đúc rót	1.989.140.514	1.379.735.131
Trục cán gang cho tiêu hao	1.174.013.900	707.565.677
Trục cán thép nhỏ	108.159.642	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.525.039	18.225.546
	8.139.741.149	5.763.654.446

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	29.016.792.129	22.708.581.986
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Lưu Xá (1)	28.684.492.129	22.112.605.986
- Vay Cán bộ công nhân viên (2)	332.300.000	595.976.000
	29.016.792.129	22.708.581.986

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1): Theo hợp đồng tín dụng số 104509 ngày 12/2/2010, với các điều khoản như sau:

- + Ngân hàng cấp giá trị hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay có điều chỉnh;
- + Trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi trên giấy nhận nợ, trả lãi ngày 25 hàng tháng;
- + Số dư nợ gốc theo hợp đồng tại ngày 31/12/2010 : 28.684.492.129 VND;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay có một phần bảo đảm bằng tài sản.

(2): Công ty thực hiện vay của cán bộ công nhân viên trong Công ty với thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất vay là 0,65%/tháng.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	974.231.909	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	605.617.271	936.593.482
Thuế Thu nhập cá nhân	662.380	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	145.000	145.000
	1.580.656.560	936.738.482

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi bồi dưỡng cán bộ công nhân viên	52.718.000	10.416.000
Trích trước chi phí kiểm toán	45.000.000	27.000.000
Trích trước tiền lãi vay ngân hàng	86.996.160	42.899.338
Trích trước tiền lãi vay CBCNV	6.574.945	22.347.025
Trích trước tiền điện thoại tháng 12	3.909.645	4.798.345
Trích trước cho phí khám chữa bệnh	-	41.098.000
Trích trước chi phí đào tạo cho giáo viên	-	14.500.000
Trích trước phí môi trường	7.829.858	1.281.840
Trích trước chi phí phải trả khác	-	28.425.000
	203.028.608	192.765.548

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	256.075.598	284.953.536
Phải trả cổ tức cho cổ đông cổ phiếu	-	2.400.000.000
Thu hộ tiền hướng dẫn học sinh thực tập	31.732.500	40.165.000
Thu ủng hộ "Quỹ vì trẻ thơ năm"	35.338.000	21.478.000
	323.146.098	2.746.596.536

16 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	9.585.132.650	9.000.000.000
- Vay Ngân hàng Công thương Lưu Xá	9.585.132.650	9.000.000.000
	9.585.132.650	9.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Hợp đồng tín dụng số 09045330 ngày 28/5/2009, với các điều khoản như sau:

- + Số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư dây chuyền sản xuất mới;
- + Thời hạn vay: 84 tháng, thời gian ân hạn: 12 tháng. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng;
- + Nợ gốc được trả thành 24 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng trả với số tiền 416 triệu đồng, kỳ cuối trả 432 triệu đồng, lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 28/8/2010;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản.

Hợp đồng số 1045888 ngày 30/12/2010, với các điều khoản như sau:

- + Số tiền vay: 500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: mua máy xúc;
- + Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng;
- + Lãi suất vay: áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/lần, xác định theo nguyên tắc = lãi suất huy động 12 tháng trả sau cộng (+) biên độ tối thiểu 4,5%/năm;
- + Nợ gốc được trả thành 12 kỳ hạn, mỗi kỳ hạn là 3 tháng trả với số tiền 42.000.000 đồng, kỳ cuối trả 38.000.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên là 30/3/2011;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.



17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	17.488.813.474	1.746.275.212	-	39.235.088.686
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	3.008.043.310	3.008.043.310
Tăng khác	-	442.072.865	-	-	442.072.865
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.008.043.310)	(3.008.043.310)
Giảm khác	-	(2.178.031.423)	-	-	(2.178.031.423)
Số dư đầu năm	20.000.000.000	15.752.854.916	1.746.275.212	-	37.499.130.128
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	2.895.296.355	2.895.296.355
Thuế TNDN được miễn giảm	-	367.810.929	-	(367.810.929)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	20.000.000.000	16.120.665.845	1.746.275.212	2.527.485.426	40.394.426.483



b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	2.400.000.000

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.120.665.845	15.752.854.916
Quỹ dự phòng tài chính	1.746.275.212	1.746.275.212
	17.866.941.057	17.499.130.128

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, vật tư	272.867.833.667	140.955.830.498
Doanh thu bán hàng hóa	37.712.378	2.068.181.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.165.610	3.427.273
	272.935.711.655	143.027.438.771

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư đã bán	259.822.548.224	140.314.632.200
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.683.550	2.068.181.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.010.479	2.329.304
Xử lý kiểm kê	-	1.822.728
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(650.089.915)	(7.708.179.628)
	259.234.152.338	134.678.785.604

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.723.865	66.817.195
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.000.000	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	29.669.754	-
	157.393.619	66.817.195

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.474.894.290	1.675.038.732
	5.474.894.290	1.675.038.732

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.500.000	83.693.166
Chi phí khác bằng tiền	112.889.877	43.823.267
	124.389.877	127.516.433

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	112.994.486	169.384.565
Chi phí nhân công	2.185.996.256	1.353.203.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.556.277	378.696.045
Thuế, phí, lệ phí	125.042.466	146.917.920
Chi phí dự phòng	-	53.458.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.234.217	153.987.968
Chi phí khác bằng tiền	1.529.951.170	956.618.880
	4.614.774.872	3.212.267.135

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.500.913.626	3.466.591.593
- Các khoản điều chỉnh tăng	452.799.172	135.893.000
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	60.000.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	3.893.712.798	3.602.484.593
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	973.428.200	900.621.148
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(367.810.929)	(442.072.865)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	605.617.271	458.548.283



25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Việt Nam (AticVietnam) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 1/1/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	42.245.728.098	39.713.917.741
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.531.810.357	-
Vốn chủ sở hữu	400	37.499.130.128	40.030.940.485
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	458.548.283	900.621.148
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.008.043.310	2.565.970.445



Mai

Phạm Thị Tuyết Mai
Kế toán trưởng

Trần Duy Cường
Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

